

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 514/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 4 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn giữa chị X và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1583/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2018/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Anh Đỗ T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày: Chị và anh Đỗ T chung sống với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, anh T không quan tâm chị và các con,

dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2015. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Toà giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Đỗ Thanh T, sinh ngày 29/5/1993, Đỗ Nhật D, sinh ngày 25/6/1996 và Đỗ Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 15/5/2000. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa ghi tự khai nhưng hết thời hạn 15 ngày bị đơn không có ý kiến bằng văn bản và cũng không gửi cho Tòa án các tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham gia phiên họp vào ngày 07/02/2018 và 15/3/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Theo kết quả xác minh ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại Công an phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Anh Đỗ T, sinh năm 1972 hiện thực tế cư trú tại địa chỉ số 116/12 đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị X có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày trên.

Anh T vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Đỗ T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Đỗ Thanh T, sinh ngày 29/5/1993, Đỗ Nhật D, sinh ngày 25/6/1996 và Đỗ Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 15/5/2000. Giao cháu Q cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi chị X có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn kiện của chị X, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12 tháng 10 năm 1993, xác định hôn nhân giữa chị X và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân chị X xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, anh T không quan tâm đến chị và các con, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân. Về phía anh T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong cuộc sống vợ chồng. Như vậy chứng tỏ bản thân anh T không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên không có thiện chí hàn gắn, hòa giải cùng chị X đoàn tụ. Tuy kết quả xác minh tại địa phương ngày 13/12/2017 không xác định được mâu thuẫn nhưng từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị X và anh T hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị X là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, cháu Đỗ Thanh T và cháu Đỗ Nhựt D đều đã trưởng thành, chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Nguyễn Nhật Q. Xét thấy, hiện nay cháu Q đang sinh sống ổn định với chị X, đồng thời khi tham khảo ý kiến thì cháu Q cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Q cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị X không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Đỗ T (Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12 tháng 10 năm 1993 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Đỗ Thanh T, sinh ngày 29/5/1993, Đỗ Nhật D, sinh ngày 25/6/1996 và Đỗ Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 15/5/2000. Giao cháu Q cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị X có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh T lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị Nguyễn Thị X phải chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0028036 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị X đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G, TP.HCM;
- Chi cục thi hành án dân sự quận G;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên